| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH HẢI DƯƠNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số:54 /2020/HNGĐ-ST
Ngày: 15/7/2020
*"V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con chung"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Liên

Bà Dương Thị Kim Hồng

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương:*** Bà Phạm Thị Quyên- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 97/2020/HNGĐ – TLST ngày 11/5/2020 về việc " *Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung* ".Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 12/6/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2020/QĐ-ST ngày 29/6/2020 giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Kim C, sinh ngày 13/7/1973(vắng mặt).

Địa chỉ : Số nhà 36A, đường T, Hưng Đ, Sao Đ, Tp. L, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn : Chị Trần Thị T, sinh ngày 10/10/1976 (vắng mặt).

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh : Số nhà 36A, đường T, Hưng Đ, Sao Đ, Tp. L, tỉnh Hải Dương.

Hiện đang lao động tại UKRAINA

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai - Nguyên đơn anh Nguyễn Kim C trình bầy:* Anh và chị T trước khi đăng ký kết hôn, hai người đã chung sống cùng nhau như vợ chồng từ năm 1994. Đến ngày 28/01/2004 anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (Viết tắt là UBND) thị trấn Đ, huyện L (nay là phường Đ, thành phố L),tỉnh Hải Dương. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được 3 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Năm 2007 chị T sang UKraina làm kinh tế. Thời gian đầu vợ chồng liên lạc, đến năm 2010 chị T chấm dứt không liên lạc với anh. Hiện nay hai bên đều có cuộc sống riêng,

không quan tâm đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T.

Về con chung : Anh và chị T có hai con chung là cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 20/4/1996 và cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 25/3/2005. Hiện cháu A đã trưởng thành, ly hôn anh không đề nghị Tòa án giải quyết. Cháu Đ hiện đang sống cùng anh, ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung : Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án do anh C không cung cấp được địa chỉ của chị T tại Ukraina, nên Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã xác minh tại gia đình chị T, đồng thời yêu cầu gia đình cung cấp địa chỉ của chị T. Ông Trần Quang V là bố đẻ chị T xác định, chị T hiện lao động tại Ukraina, ông không biết địa chỉ của chị T nên không cung cấp được cho Tòa án. Tuy nhiên chị T thường xuyên liên lạc về gia đình. Theo ông V cung cấp, anh C chị T sống không hạnh phúc, nguyên nhân do anh C chơi bời, cờ bạc, gây gổ đánh đập vợ con. Khoảng năm 2007, 2008 chị T đi Ukraina lao động, từ khi đi đến nay chị T chưa về Việt Nam lần nào. Ông đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho chị T biết. Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết các băn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Sau khi nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, ông V xác định đã thông tin cho chị T biết. Chị T có quan điểm đồng ý ly hôn, đề nghị giải quyết vắng mặt. Về con chung chị T đồng ý để anh C nuôi cháu Đ, cháu A đã trưởng thành không đề nghị Tòa án giải quyết. Về tài sản chung chị T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Cháu Nguyễn Tiến Đ có nguyện vọng được ở với bố khi bố mẹ ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn cơ bản đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thu thập tài liệu và thời gian chuẩn bị xét xử chưa thực hiện đúng theo Điều 476 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để yêu cầu nguyên đơn tiếp tục cung cấp địa chỉ của bị đơn, đến hết thời hạn xét xử mới giải quyết vụ án. Do vậy Viện kiểm sát không phát biểu về đường lối giải quyết vụ án.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1].Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh C không cung cấp được địa chỉ của chị T ở UKraina. Theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án

nhân dân tỉnh Hải Dương đã hai lần yêu cầu gia đình chị T cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được, đồng thời Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Do vậy áp dụng công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh C có quan điểm xin được xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ khoản1Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn Kim C và chị Trần Thị T có thời gian chung sống cùng nhau như vợ chồng từ năm 1994, đến ngày 28/01/2004 anh C, chị T tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đ, huyện L (nay là phường Đ, thành phố L) tỉnh Hải Dương, do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhận do anh C mải chơi, không quan tâm đến gia đình. Năm 2007 chị T sang UKraina lao động đến nay chưa về Việt Nam. Nay anh C xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn. Thông qua gia đình, chị T có quan điểm đồng ý ly hôn với anh C. Xét thấy, thực tế anh C chị T sống ly thân từ nhiều năm, hai bên không quan tâm đến nhau nên có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không Đ được. Do vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh C.

- *Về con chung:* Anh Nguyễn Kim C và chị Trần Thị T có hai con chung là cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 20/4/1996 và cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 25/3/2005. Cháu A hiện đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét. Ly hôn anh C có nguyện vọng được nuôi cháu Đ. Cháu Đ cũng có quan điểm được ở với bố. Xét thực tế, chị T đang ở nước ngoài, không có mặt tại Việt Nam nên việc giao con cho anh C nuôi dưỡng là phù hợp với pháp luật và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Đ. Chấp nhận sự tự nguyện của anh C không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[3].Về án phí: Anh Nguyễn Kim C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì những lẽ trên*:

**QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Kim C được ly hôn chị Trần Thị T.

2.Về con chung: Giao con chung Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 25/3/2005 cho anh C chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đ tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh C không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

*Chị T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.*

3. Về án phí: Anh Nguyễn Kim C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) anh C đã nộp, theo biên lai thu số AA/2018/0002134 ngày 07 tháng 5 năm 2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Anh C đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Kim C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Chị Trần Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**Nơi nhận:**
- *VKS tỉnh Hải Dương.*
- *Cục THA dân sự.*
- *Các đương sự.*
- *UBND phường Đ.*
- *Lưu.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**( Đã ký)**

**Nguyễn Thị Thu Hiền**